TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2018/DS-PT
Ngày 15/10/ 2018
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ bơm tưới

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 24 tháng 9 và ngày 15 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ bơm tưới.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2018/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 240/2018/QĐPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Tổ bơm tưới ô đê bao số 4AB ấp 4 xã Ba S

(Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới ô đê bao số 4AB ấp 4 xã Ba S)

Địa chỉ: Ấp 4, xã Ba S, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện: Ông Lê Minh Tr - Chức vụ: Tổ trưởng;

Địa chỉ: Số 198, Quốc lộ 30, tổ 10, khóm Mỹ Thượng, phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Lương Nhựt N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 651, tổ 23, ấp 4, xã Ba S, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Chị Lê Thúy H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 651, tổ 23, ấp 4, xã Ba S, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:1.* Anh Lương Minh T, sinh năm 1975;

2. Anh Lương Hoàng S, sinh năm 1981;

3. Chị Trần Thị Thảo U, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã Ba S, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Anh Lương Nhựt N, chị Lê Thúy H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Lê Minh Tr trình bày:*

Năm 2014 được sự thống nhất của Ủy ban nhân dân xã Ba S và các hộ dân trong ô đê bao thuộc ấp 4 xã Ba S đã thành lập Tổ bơm tưới ô đê bao số 4AB, ấp 4, xã Ba S (gọi tắt là Tổ bơm tưới) do anh Lê Minh Tr làm tổ trưởng. Tổ bơm tưới có nghĩa vụ lên lịch xuống giống, thông báo và bơm nước cho các hộ có đất trong ô đê bao canh tác. Thỏa thuận các hộ dân có đất sẽ trả cho Tổ bơm tưới số tiền 130.000 đồng/1.000m^2/vụ, thời gian bắt đầu bơm nước là vụ lúa đông xuân năm 2014 - 2015. Trong đó có đất anh Lương Nhựt N và chị Lê Thúy H canh tác nhưng không chịu trả tiền cho Tổ bơm tưới. Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2018 Tổ bơm tưới khởi kiện anh N và chị H trả số tiền 20.684.430 đồng với diện tích đất canh tác là 17.679m^2. Nhưng qua xác định anh N và chị H chỉ có thuê diện tích 11.000m^2 đất của ông Ngh canh tác trong ô đê bao và canh tác từ vụ lúa đông xuân năm 2014-2015 đến tháng 9/2017, tổng cộng là 09 vụ lúa với số tiền là 09 vụ x 11.000m^{2}x 130.000 đồng/1.000m^2 = 12.870.000 đồng.

Việc anh N và chị H trình bày bơm không đủ nước là không đúng vì các người có đất lân cận với anh N vẫn được bơm đủ nước và đóng tiền đầy đủ cho Tổ bơm tưới. Việc anh N cho rằng có bơm nước từ mương lộ là không đúng vì diện tích đất của anh N canh tác khi Tổ bơm tưới bơm nước thì nước vẫn vào đất của anh N vì không có bờ ranh ngăn nước. Còn anh N cho rằng sử dụng nước mương lộ thì nước trong mương lộ vẫn thông với máng bơm của Tổ bơm tưới. Trước đây, Tổ bơm tưới có đi thu tiền nước thì anh N và chị H chỉ đồng ý trả 50% nên Tổ bơm tưới không đồng ý.

Nay Tổ bơm tưới yêu cầu anh N và chị H có nghĩa vụ trả số tiền bơm tưới còn thiếu là 12.870.000 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lương Văn N trình bày:

Anh N thống nhất có thuê đất của ông Ngh diện tích đất là 11.000m^2 trong ô đê bao do Tổ bơm tưới ô đê bao số 4 AB ấp 4, xã Ba S làm dịch vụ bơm tưới. Theo như anh biết thì Tổ bơm tưới sẽ có nghĩa vụ thông báo lịch xuống giống và bơm nước cho các hộ dân có đất trong ô đê bao, còn các hộ dân sẽ trả tiền 130.000 đồng/1.000m^2/vụ. Anh N có sử dụng nước do Tổ bơm

tưới vào các vụ lúa từ vụ đông xuân năm 2014 - 2015 đến năm 2016 là 03 vụ. Do Tổ bơm tưới bơm không đủ nước cho anh để canh tác nên anh có thông báo cho Tổ bơm tưới để khắc phục nhưng không ai đến. Anh N cũng không có báo với chính quyền địa phương để lập biên bản. Đối với 06 vụ lúa sau từ năm 2016 đến tháng 9/2017 thì anh N không sử dụng nước do Tổ bơm tưới mà bơm nước từ kênh mương lộ để canh tác. Mương lộ này hàng năm Tổ bơm tưới do anh Tr là tổ trưởng có bơm nước ra để các hộ dân canh tác, vào mùa khác thì nước trong mương lộ có nên sử dụng nước này để bơm. Khi anh không sử dụng nước từ Tổ bơm tưới thì anh cũng không thông báo cho chính quyền địa phương và Tổ bơm tưới biết. Khi anh Tr thu tiền bơm tưới thì anh N đồng ý chỉ đồng ý trả 50% nhưng anh Tr không đồng ý mà bỏ đi. Nay anh N không đồng ý trả số tiền bơm nước theo yêu cầu của Tổ bơm tưới, mà chỉ đồng ý trả 50% số tiền 03 vụ lúa đầu tiên với số tiền là 03 vụ x 11.000m^2 x 130.000 đồng/1.000m^2 x 50% = 2.145.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thúy H trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của anh Lương Nhựt N, không bổ sung gì thêm. Không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của Tổ bơm tưới.

Các đương sự anh Tr, anh N và chị H thống nhất không có tranh chấp gì với ông Lương Văn Ngh và Lương Trọng Th và đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2018/DS-ST ngày: 15/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của Tổ bơm tưới ô đê bao số 4AB ấp 4, xã Ba S.

Buộc ông Lương Nhựt N và Lê Thúy H trả cho Tổ bơm tưới ô đê bao số 4AB ấp 4 xã Ba Sao số tiền bơm tưới còn thiếu là 12.870.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thì hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Anh Lương Nhựt N và Lê Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 643.500 đồng.

Tổ bơm tưới ô đê bao số 4AB ấp 4 xã Ba S không phải nộp án phí dân sự và được nhận lại 500.000 đồng theo biên lai thu án phí số 04291 ngày 13/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các

đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 24/5/2018 anh Lương Nhựt N và chị Lê Thúy H kháng cáo nội dung bản án sơ thẩm; anh N, chị H không đồng ý trả số tiền 12.870.000 đồng. Anh N, Chị H đồng ý trả 50% số tiền còn thiếu tương đương là 6.435.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn anh Tr; bị đơn anh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H và những người làm chứng anh Lương Minh T, chị Trần Thị Thảo U, anh Lương Hoàng S có mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh N và chị H thừa nhận có sử dụng nước do Tổ bơm tưới vào các vụ lúa từ vụ Đông xuân năm 2014-2015 đến năm 2016 là 03 vụ. Đối với 06 vụ lúa sau từ năm 2016 đến tháng 9/2017 thì anh N không sử dụng nước do Tổ bơm tưới mà bơm nước từ kênh mương lộ lên đất ruộng để canh tác. Lý do phần đất anh, chị canh tác cao hơn các hộ đất giáp ranh mà Tổ bơm tưới bơm không đủ nước. Do đó anh N, chị H đồng ý trả theo yêu cầu Tổ bơm tưới số tiền 6.435.000 đồng.

Anh Tr khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, anh Tr thay đổi yêu cầu là yêu cầu anh N và chị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Tổ bơm tưới số tiền là 6.435.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người làm chứng anh T, chị U, anh S cùng trình bày: anh N và chị H sử dụng nước do Tổ bơm tưới vào các vụ lúa Đông xuân năm 2014-2015 đến năm 2016 là 03 vụ kể từ sau đó cho đến nay anh N, chị H không sử dụng nước của Tổ bơm tưới nữa. Lý do phần đất anh N, chị H canh tác cao hơn các hộ đất giáp ranh khác nên Tổ bơm tưới bơm không đủ nước. Anh N, chị H phải đặt mô tơ bơm nước từ kênh Mương lộ bơm lên ruộng từ năm 2017 cho đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Về nội dung do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của của anh N, chị H là không đồng ý trả tiền 12.780.000 đồng cho Tổ bơm tưới ô đê bao số 4 AB ấp 4 xã Ba S; trước đây anh N, chị H chỉ đồng ý trả 50% số tiền 03 vụ lúa đầu tiên với số tiền là 03 vụ x 11.000m^2 x 130.000 đồng/1.000m^2 x 50% = 2.145.000 đồng.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định lời trình bày trên của anh N và chị H là không có cơ sở, bởi lẽ: anh N và chị H thừa nhận có thuê diện tích đất 11.000m^2 canh tác trong ô đê bao do Tổ bơm tưới phục vụ việc bơm tưới. Anh N, chị H trình bày chỉ sử dụng nước do Tổ bơm tưới từ vụ đông xuân năm 2014 - 2015 đến năm 2016 là 03 mùa vụ; do Tổ bơm tưới bơm không đủ nước nên 06 vụ tiếp theo sau thì anh N, chị H đặt máy bơm nước từ mương lộ lên sử dụng. Anh N, chị H chỉ đồng ý trả 50% số tiền 03 vụ lúa đầu tiên với số tiền 2.145.000 đồng là chưa phù hợp. Lý do việc anh N không sử dụng đủ nước nhưng không thông báo với Tổ bơm tưới và chính quyền địa phương để giải quyết. Đồng thời, anh N sử dụng nước từ mương lộ cũng là hệ thống bơm tưới của Tổ bơm tưới; mặt khác ông N cũng thừa nhận hàng năm việc rút nước ra trong ô đê bao thì Tổ bơm tưới cũng sử dụng mương lộ này để thực hiện và nếu không có việc giữ ô đê bao thì cũng không canh tác được 03 vụ/năm. Do đó việc anh N, chị H cho rằng Tổ bơm tưới không đủ nước là không có căn cứ nên quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổ bơm tưới ô đê bao số 4AB ấp 4 xã Ba S đối với anh N, chị H.

[3] Anh N và chị H không đồng ý nên kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của anh N, chị H: Anh N, chị H có yêu cầu lấy lời khai người làm chứng để chứng minh lời trình bày của anh, chị gồm anh Lương Minh T, chị Trần Thị Thảo U, anh Lương Hoàng S và họ đã trình bày anh N, chị H có sử dụng đường thoát nước riêng, có đặt Môtơ bơm nước từ kênh mương lộ bơm lên đất ruộng. Nhưng những người này là anh, em người thân của anh N, ngoài lời trình bày ra không có chứng cứ gì thêm lời trình bày là chính xác.

[4] Ngày 29/8/2018 Tòa án tiến hành khảo xác phần đất anh N, chị H canh tác thì anh N, chị H có đặt Môtơ bơm nước từ kênh mương lộ lên đất ruộng nhưng nước từ Kênh mương lộ bơm lên ruộng đều do Tổ bơm tưới bơm từ máng bơm của kênh Xẻo Xình bơm vô, việc rút nước vô ra đều phụ thuộc hoàn toàn vào lịch bơm tưới của Tổ bơm tưới. Phần cuối đất của anh N, chị H giáp phần đất của anh Lương Nhựt L (em ruột của anh N) mà anh L canh tác xả nước vô ra xuống kênh 500 là đường thủy lợi chính của Tổ bơm tưới sử dụng. Anh N, chị H không có sử dụng đường nước nào khác không phải của Tổ bơm tưới.

[5] Mặt khác, phần đất của anh N, chị H chỉ cao hơn các hộ giáp ranh liền kề khoảng 05cm (nữa tấc). Anh N, chi H tự bơm nước nhưng anh chị không chứng minh được số lượng mùa vụ, các chi phí phải bỏ ra để bơm nước thêm. Do đó, lời trình bày của anh N, chị H là chưa có đủ căn cứ để xét lời trình bày đúng thực tế.

[6] Tuy nhiên do Tổ bơm tưới và anh N, chị H thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án là anh N, chị H trả cho Tổ bơm tưới số tiền bơm tưới nước là 6.435.000 đồng nên công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[7] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh N, chị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 518; Điều 519, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Tổ bơm tưới ô đê bao số 4AB ấp 4, xã Ba S với anh Lương Nhựt N, chị Lê Thúy H.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu của Tổ bơm tưới ô đê bao số 4AB ấp 4, xã Ba S.

Buộc ông Lương Nhựt N và Lê Thúy H trả cho Tổ bơm tưới ô đê bao số 4AB ấp 4 xã Ba S số tiền bơm tưới còn thiếu là 6.435.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thì hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lương Nhựt N và chị Lê Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 321.750 đồng .

Tổ bơm tưới ô đê bao số 4AB ấp 4 xã Ba S không phải nộp án phí dân sự và được nhận lại 500.000 đồng theo biên lai thu án phí số 04291 ngày 13/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lương Nhựt N, chị Lê Thúy H được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số

04742 ngày 25/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Chí Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Phương Nguyễn Thị Vĩnh Đinh Chí Tâm